

Số: /VPUB-PVHCC  
V/v công khai, hủy công khai thủ  
tục hành chính lĩnh vực di sản văn  
hóa tại Quyết định số 35/QĐ-  
UBND ngày 07/01/2026 của Chủ  
tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Điện Biên, ngày tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Khoa học và Công nghệ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên. Đến nay, việc nhập dữ liệu, đăng tải công khai 19 thủ tục hành chính, hủy công khai 03 thủ tục hành chính tại Quyết định công bố nêu trên vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của Cổng dịch vụ công quốc gia đã hoàn thành (*Danh sách cụ thể tại Phụ lục kèm theo*); thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Khai thác thông tin, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Phần I Phụ lục kèm theo Công văn này lên Cổng Thông tin điện tử của Sở và niêm yết trên Bảng niêm yết thủ tục hành chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu, nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo mã số đã công khai.

- Hủy công khai, bỏ niêm yết đối với các thủ tục hành chính tại Phần II Phụ lục kèm theo Công văn này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Kết nối, đồng bộ các TTHC giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Đóng thông tin và quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đối với các thủ tục hủy công khai.

Nhận được Văn bản này, đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ quan tâm triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PVHCC<sub>(NTVA)</sub>.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Tiến Cường**

**Phụ lục**

**DANH SÁCH TTHC TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 35/QĐ-UBND NGÀY 07/01/2026  
CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐÀ CÔNG KHAI TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU TTHC  
CỦA CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA**

*(Kèm theo Công văn số /NPUB-PVHCC ngày /01/2026 của Văn phòng UBND tỉnh)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG KHAI**

| <b>STT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                               | <b>Mã thủ tục hành chính</b> | <b>Mức độ DVCTT</b> | <b>Phi địa giới</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------|---------------------|
| 1          | Cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật                                                                     | 1.014608.H18                 | Một phần            | x                   |
| 2          | Cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật                                                                 | 1.014609.H18                 | Một phần            | x                   |
| 3          | Bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh) | 1.014610.H18                 | Một phần            | x                   |
| 4          | Cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật                                                                                    | 1.014611.H18                 | Một phần            | x                   |
| 5          | Cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)                        | 1.014612.H18                 | Một phần            | x                   |
| 6          | Cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập                                                                         | 1.014613.H18                 | Một phần            | x                   |
| 7          | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật                                                           | 1.014614.H18                 | Một phần            | x                   |
| 8          | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật                                                       | 1.014615.H18                 | Một phần            | x                   |
| 9          | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật                                                                       | 1.014616.H18                 | Một phần            | x                   |
| 10         | Cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp                                                                                         | 2.001591.000.0<br>0.00.H18   | Một phần            | x                   |
| 11         | Đăng ký di vật, cổ vật                                                                                                      | 2.001631.000.0<br>0.00.H18   | Một phần            | x                   |
| 12         | Cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật                                                                           | 1.003738.000.0<br>0.00.H18   | Một phần            | x                   |
| 13         | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật                                                        | 1.001106.000.0<br>0.00.H18   | Một phần            | x                   |
| 14         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật                                                    | 1.001123.000.00<br>.00.H18   | Một phần            | x                   |
| 15         | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích                                                | 1.003901.000.0<br>0.00.H18   | Toàn trình          | x                   |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                           | Mã thủ tục hành chính  | Mức độ DVCTT | Phi địa giới |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|--------------|
| 16  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích | 2.001641.000.00.00.H18 | Toàn trình   | x            |
| 17  | Cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích                        | 1.001822.000.00.00.H18 | Toàn trình   | x            |
| 18  | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích                    | 1.002003.000.00.00.H18 | Toàn trình   | x            |
| 19  | Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập                                  | 1.003793.000.00.00.H18 | Một phần     | x            |

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HỦY CÔNG KHAI

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                         | Mã thủ tục hành chính  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1   | Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập                                             | 2.001613.000.00.00.H18 |
| 2   | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích                                       | 1.003646.000.00.00.H18 |
| 3   | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật | 1.003835.000.00.00.H18 |